

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2022
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Lộc

2. Ông Huỳnh Ngọc Ngươl

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 284/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Tuấn A**, sinh năm 1991 (Có mặt).

Cư trú tại: Ấp Tr, xã Th, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp R, xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Trần Tuấn A trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thùy D kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện C, tỉnh Cà Mau vào ngày 21/02/2019. Thời gian đầu anh và chị D chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, anh và chị D đã sống ly thân từ tháng 02/2022

đến nay. Nay, xét thấy hôn nhân giữa anh và chị D không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị Nguyễn Thị Thùy D có 01 (Một) người con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 18/10/2018; hiện con đang sống với chị D. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh và chị Nguyễn Thị Thùy D không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống anh và chị Nguyễn Thị Thùy D không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh chị, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là chị Nguyễn Thị Thùy D được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà chị D không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của anh Trần Tuấn A. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ hai lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chỉ có nguyên đơn là anh Trần Tuấn A có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được cũng như nghe ý kiến của chị D về yêu cầu ly hôn của anh Tuấn A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thùy D là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Xin ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp R, xã Ph, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt

không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thùy D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thùy D tự nguyện tiến đến hôn nhân, căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Th, huyện C, tỉnh Cà Mau cấp ngày 21/02/2019 nên đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Tuấn A và chị D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo anh Trần Tuấn A trình bày thì sau khi kết hôn anh và chị Nguyễn Thị Thùy D chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì anh và chị D phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, anh và chị D đã sống ly thân từ tháng 02/2022 đến nay; nay, anh nhận thấy hôn nhân giữa anh và chị D không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D. Đối với chị Nguyễn Thị Thùy D, trong quá trình tố tụng chị D không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh Tuấn A, như vậy chị D đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với anh Tuấn A. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thùy D đã không còn, anh Tuấn A cương quyết ly hôn, chị D không có thiện chí hàn gắn, cả hai đã thống nhất sống ly thân, bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều này cho thấy hôn nhân giữa anh Tuấn A và chị D đã không còn hạnh phúc và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh Tuấn A là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo trình bày của anh Trần Tuấn A thì trong thời gian chung sống anh Tuấn A và chị Nguyễn Thị Thùy D có 01 (Một) người con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 18/10/2018; hiện con đang sống với chị D; sau khi ly hôn, anh Tuấn A đồng ý giao con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, cháu Trần Gia H vẫn còn nhỏ, sau khi anh Tuấn A và chị D sống ly thân cháu sống ổn định với chị D từ tháng 02/2022 cho đến nay; mặt khác, anh Tuấn A tự nguyện giao cháu H cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, chị D không có ý kiến phản đối; do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Gia H cho chị Nguyễn Thị Thùy D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Theo anh Trần Tuấn A trình bày thì trong thời gian chung sống anh và chị Nguyễn Thị Thùy D không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ thu, nợ trả: Theo anh Trần Tuấn A trình bày thì trong thời gian chung sống anh và chị Nguyễn Thị Thùy D không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh chị, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Tuấn A. Anh Trần Tuấn A được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 18/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Thùy D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Anh Trần Tuấn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Thùy D.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về nợ thu, nợ trả: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Trần Tuấn A phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh Tuấn A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008044 ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Anh Trần Tuấn A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Th, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc Huyền